

Số: 19/BC-DTNT

Bác Ái, ngày 16 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại Trường PTDTNT Pi Năng Tắc giai đoạn 2018-2022

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 30/12/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng Nhân dân tỉnh (HĐND) giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2022; Trường PTDTNT Pi Năng Tắc báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục giai đoạn 2018-2022 như sau:

I. Đặc điểm tình hình

Trường Phổ thông dân tộc nội trú Pi Năng Tắc là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, là loại hình trường chuyên biệt mang tính chất phổ thông, dân tộc và nội trú, có nhiệm vụ đào tạo và giáo dục con em đồng bào dân tộc thiểu số, con em các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc hai huyện Ninh Sơn và Bác Ái, nhằm góp phần tạo nguồn cán bộ cho địa phương; giáo dục học sinh về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam, ý thức tham gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khó khăn sau khi tốt nghiệp; tổ chức công tác nội trú cho học sinh, đảm bảo học sinh của nhà trường được ăn ở nội trú. Tuy nhiên do điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu nên có một số em gia đình ở gần trường tạm thời nhà trường cho ở ngoại trú.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 50 người. Trong đó, cán bộ quản lý có 03; giáo viên giảng dạy có 30/03 DTTS; nhân viên Văn phòng có 06/02 DTTS (01 kế toán hợp đồng); Nhân viên cấp dưỡng 01/01 DTTS; nhân viên hợp đồng khoán việc tạp vụ 01; nhân viên hợp đồng cấp dưỡng 06/05 DTTS; bảo vệ là 02; nhân viên Quản sinh: 01/01 DTTS.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Trong đó có 07 cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sỹ, CBQL 03 (Ths), GV 04 (Ths); có 02 giáo viên đang học trình độ thạc sỹ.

Trong giai đoạn 2018-2022 do diễn biến của dịch Covid-19 diễn ra trong thời gian dài nên ảnh hưởng đến việc huy động học sinh ra lớp. Đặc biệt trong năm học 2021-2022 số lượng học sinh bỏ học giữa chừng rất nhiều 13/459 em.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chính sách pháp luật trong cơ sở giáo dục

1. Việc ban hành các văn bản; kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách giáo dục tại cơ sở giáo dục.

Nhà trường quán triệt kịp thời các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Sở Giáo dục và Đào tạo liên quan đến việc tổ chức triển

khai thực hiện các chính sách giáo dục đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, cụ thể như sau:

Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập.

Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đang công tác tại các trường chuyên biệt đóng trên địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 27/3/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc.

Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT ngày 31/10/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập.

Thông tư số liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

Công văn số 567/SGDĐT-KHTC ngày 23/4/2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về Quy định chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan.

Nhà trường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đầy đủ các văn bản liên quan đến thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thông qua học tập chính trị đầu năm, chính trị hè cho cán bộ quản lý, giáo viên và tuần lễ sinh hoạt đầu năm học cho học sinh; thông qua buổi họp nhà trường định kỳ và trên cổng thông tin điện tử của trường.

3. Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục; công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua-khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục.

- Công tác xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường:

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo đúng hướng dẫn của Sở GDĐT, thực hiện rà soát nội dung dạy học trong sách giáo khoa hiện hành; tinh giản những nội dung dạy học có kiến thức, kỹ năng vượt quá mức độ cần đạt được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; điều chỉnh để tránh trùng lặp nội dung giữa các môn học, hoạt động giáo dục; bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu; không dạy những nội dung, bài tập, câu hỏi, ngoài sách giáo khoa vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông.

Các tổ chuyên môn của các trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, trong đó đã thực hiện rà soát lại toàn bộ nội dung dạy học, cập nhật những nội dung kiến thức cũ, lạc hậu bổ sung những kiến thức mới phù hợp; trong các kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn đều có chi tiết các yêu cầu cần đạt của từng bài học/chủ đề, có định hướng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học,...

- Công tác triển khai đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh:

Trên cơ sở hướng dẫn nhiệm vụ năm học hàng năm, cùng với việc tham gia tập huấn các lớp do Sở GDĐT và Bộ GDĐT tổ chức, nhà trường đã thực hiện đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; khai thác, sử dụng các nguồn học liệu, kho học liệu, video bài giảng phục vụ trong giảng dạy. Trong chuỗi hoạt động dạy học, phần lớn giáo viên đã chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả học tập của mình; nhiều giáo viên tích cực trong ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đặc biệt là trong thời gian giãn cách xã hội do dịch Covid-19, hạn chế đến trường nhưng không dừng việc dạy học.

Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

Một số giáo viên chưa chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học, còn dành nhiều thời gian trên lớp để thuyết trình, giảng giải; các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực chưa được sử dụng thường xuyên, do: Một số giáo viên chưa thực sự đầu tư công tác soạn giảng, một số giáo viên chưa

nắm các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để vận dụng trong từng bài học cụ thể; Dạy học còn nặng về thi cử do đó việc đầu tư cho học sinh tham gia vào các hoạt động học còn hạn chế.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện đổi mới phương pháp dạy học của một số giáo viên còn hạn chế, do đó việc khai thác các nguồn học liệu mở, thí nghiệm ảo, ... chưa được thực hiện thường xuyên.

- Công tác triển khai các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh:

Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Sở GDĐT cùng với việc tham gia tập huấn các lớp do Sở GDĐT và Bộ GDĐT tổ chức, nhà trường đã thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, trong đó tăng cường thực hiện đánh giá thường xuyên trực tiếp hoặc trực tuyến bằng các hình thức: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

4. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch của tỉnh, địa phương giai đoạn 2018-2022. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

Nhà trường tiếp tục chủ động tham mưu, đề xuất bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; bổ sung xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, các phòng chức năng, nhà vệ sinh, rà soát mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù của trường PT DTNT Pi Năng Tắc, đồng thời đáp ứng việc triển khai Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.

5. Công tác xã hội hóa giáo dục:

Đa số phụ huynh là đồng bào dân tộc thiểu số của huyện Bác Ái và 3 xã thuộc huyện Ninh Sơn đều có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh, hoàn cảnh kinh tế gia đình còn khó khăn, nên việc thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục, vận động từ cha mẹ học sinh tham gia trang bị điều kiện học tập cho cá nhân học sinh còn hạn chế; Năm 2022 nhà trường vận động xã hội hoá (nhà tài trợ giá trị 34 triệu đồng làm mái che cho học sinh nội trú.

III. Kết quả thực hiện:

1. Mạng lưới trường, lớp, học sinh.

- Năm học 2017-2018: Tổng số lớp là 14, tổng số học sinh đầu năm học 425, cuối năm học còn 414 em.

- Năm học 2018-2019: Tổng số lớp là 14, tổng số học sinh đầu năm học 447, cuối năm học còn 435 em.

- Năm học 2019-2020: Tổng số lớp là 14, tổng số học sinh đầu năm học 464, cuối năm học còn 435 em.

- Năm học 2020-2021: Tổng số lớp là 14, tổng số học sinh đầu năm học 464, cuối năm học còn 433 em.

- Năm học 2021-2022: Tổng số lớp là 14, tổng số học sinh đầu năm học 459, cuối năm học còn 432 em.

2. Công tác tuyển sinh đầu cấp, tình hình học sinh bỏ học; kết quả phân luồng học sinh sau TN THPT.

Từ năm học 2017-2018 đến 2021-2022 nhà trường cơ bản hoàn thành tốt công tác tuyển sinh mà cấp trên đã giao chỉ tiêu (chỉ tiêu giao hàng năm là 140, Khối lớp 6 70 em, Khối lớp 10: 70 em). Tuy nhiên bên cạnh đó công tác tuyển sinh còn gặp nhiều khó khăn.

- Năm học 2017-2018: Tuyển sinh đầu cấp lớp 6 và lớp 10 là 140 chỉ tiêu, học sinh nhập học là 140 em. Số học sinh bỏ học trong năm học 11/425 em.

- Năm học 2018-2019: Tuyển sinh đầu cấp lớp 6 và lớp 10 là 140 chỉ tiêu, học sinh nhập học là 140 em. Số học sinh bỏ học trong năm học 11/447 em.

- Năm học 2019-2020: Tuyển sinh đầu cấp lớp 6 và lớp 10 là 140 chỉ tiêu, học sinh nhập học là 140 em. Số học sinh bỏ học trong năm học 13/454 em.

- Năm học 2020-2021: Tuyển sinh đầu cấp lớp 6 và lớp 10 là 140 chỉ tiêu, học sinh nhập học là 140 em. Số học sinh bỏ học trong năm học 12/456 em.

- Năm học 2021-2022: Tuyển sinh đầu cấp lớp 6 và lớp 10 là 140 chỉ tiêu, học sinh nhập học là 140 em. Số học sinh bỏ học trong năm học 13/459 em.

Nguyên nhân: Do công tác tuyển sinh còn thực hiện theo chỉ tiêu giao cho từng địa phương (thôn, xã), một số học sinh trúng tuyển nhưng không có nhu cầu đi học.

Trong giai đoạn 2018-2022 có dịch bệnh Covid-19 diễn ra trong thời gian dài nên ảnh hưởng đến việc huy động học sinh ra lớp. Đặc biệt trong năm học 2021-2022 số lượng học sinh bỏ học giữa chừng rất nhiều 13/459 em.

Kết quả phân luồng học sinh sau khi TN THPT:

Số liệu dưới đây được thống kê qua giấy báo trúng tuyển gửi về nhà trường, trường chưa thống kê được số liệu học sinh trúng tuyển có giấy báo gửi về địa phương, số học sinh được địa phương cử tuyển đi học Cao đẳng, Đại học, Dự bị Đại học và số học sinh theo học tại các trường nghề.

Năm học	Số 12	Dự bị Đại học		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp	
		TS	%	TS	%			TS	%
2017-2018	52	6	11,5	11	21,1	8	15,4	0	0
2018-2019	54	7	13	13	24	7	13	0	0
2019-2020	57	6	10,5	12	21	9	15,8	0	0

Năm học	Số số 12	Dự bị Đại học		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp	
		TS	%	TS	%			TS	%
2020-2021	54	8	14,8	11	20,3	7	13	2	3,7
2021-2022	62	9	14,5	15	24,2	10	16,1	0	0

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 50 người. Trong đó, cán bộ quản lý có 03; giáo viên giảng dạy có 30/03 DTTS; nhân viên Văn phòng có 06/02 DTTS (01 kế toán hợp đồng); Nhân viên cấp dưỡng 01/01 DTTS; nhân viên hợp đồng khoán việc tạp vụ 01; nhân viên hợp đồng cấp dưỡng 06/05 DTTS; bảo vệ là 02; nhân viên Quản sinh: 01/01 DTTS.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ số lượng theo quyết định giao biên chế hằng năm. Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuẩn bị cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học nhà trường: Nhà trường có 14 phòng học, đủ phòng để học hai ca trong một ngày (mặt bàn hỏng nhiều); mỗi phòng học có 24 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Nhà trường có 05 phòng học bộ môn bao gồm: 02 phòng thực hành tin học; 01 phòng thí nghiệm thực hành môn Hóa, Sinh; 01 phòng thí nghiệm thực hành môn Vật lý và 01 phòng Nhạc. Các phòng học bộ môn **chưa đạt** tiêu chuẩn theo qui định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất và Thông tư 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; Riêng Thiết bị phục vụ phòng học bộ môn Tin học qua nhiều năm sử dụng đã xuống cấp (phòng máy vi tính 02 phòng nhưng chỉ sử dụng được 01 phòng, 01 phòng còn lại 15 máy sử dụng được) nên chưa đáp ứng triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc cho học sinh: chưa có.

Công trình phụ trợ khác phục vụ học tập: Khối công trình phục vụ học tập của nhà trường bao gồm: sân chơi bãi tập (không có), 01 phòng thư viện và 01 phòng chứa thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường bên cạnh đó còn thiếu rất nhiều công trình phụ trợ khác theo tiêu chuẩn để phục vụ học sinh dân tộc nội trú.

Quyết định 184/QĐ-UBND ngày 21/8/2012 về giao thêm nhiệm vụ đào tạo liên cấp THCS và THPT cho Trường PT DTNT Pinăng Tắc.

Từ năm 2012 đến nay cơ sở vật chất của nhà trường chưa được đầu tư đặc biệt là phòng ở của học sinh (24em/phòng 24m²) phòng ở lại xuống cấp và nhà vệ sinh không đủ phục vụ nhu cầu cho 444 em hiện tại đang ở nội trú.

Bếp ăn tập thể đã sửa chữa và đưa vào sử dụng từ tháng 09 năm 2020.

5. Kết quả xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo kế hoạch: Chưa được thực hiện là do cơ sở vật chất còn chưa đủ điều kiện cho việc kiểm định.

6. Việc triển khai lựa chọn Sách giáo khoa giáo dục lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; thực hiện Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng Sách giáo khoa và sách tham khảo tại các cơ sở giáo dục; việc trang bị sách giáo khoa, tài liệu, học liệu:

Nhà trường thực hiện đúng, đầy đủ theo hướng dẫn Công văn số 363/SGDĐT-NVDH ngày 22/02/2022 của Sở GDĐT Ninh Thuận về việc hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/08/2020 của Bộ GDĐT Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 375/QĐ-UBND, ngày 04/03/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở Giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Nhà trường triển khai cho cán bộ quản lý, tổ chuyên môn, giáo viên cốt cán của từng bộ môn, khối lớp đọc bản mẫu; tổ chuyên môn tổ chức lấy ý kiến đề xuất chọn Bộ sách, nhà trường tổng hợp báo cáo gửi Hội đồng chọn sách của Sở; cử giáo viên tham gia Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa của Sở GDĐT.

7. Công tác xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018: Do sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

8. Chất lượng, hiệu quả thực hiện các chương trình giáo dục:

Trong giai đoạn 2018-2022, nhà trường triển khai thực hiện theo Chương trình giáo dục 2006 đối với lớp 7, 8, 9, 10, 11, 12; chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục giai đoạn 2018-2022 có chuyển biến tích cực, tỷ lệ học sinh có học lực khá giỏi tăng đều hàng năm; Số học sinh có hạnh kiểm xếp loại tốt, khá tăng năm học sau cao hơn năm học trước; công tác duy trì sĩ số tương đối ổn định. Năm học 2021-2022 nhà trường đang triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6 và năm học 2022-2023 nhà trường đang triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 7, 10.

Hiệu quả triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục giai đoạn 2018-2022:

- Kết quả xếp loại về học lực của học sinh (5 năm học)

Năm học	Sĩ số	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
2017-2018	414	27	6,5	220	53,1	160	38,5	7	1,7	0	0,0
2018-2019	435	26	6	246	56,6	160	36,7	3	7	0	0,0
2019-2020	435	31	7,1	196	45,1	200	46	8	1,8	0	0,0
2020-2021	433	36	8,3	239	55,2	154	35,6	4	0,9	0	0,0

Năm học	Số	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
2021-2022	432	53	12,3	233	53,9	146	33,8	0	0	0	0,0

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh (5 năm học)

Năm học	Số	Tốt		Khá		TB		Yếu	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
2017-2018	414	379	91,5	30	7,3	5	1,2	0	0,0
2018-2019	435	420	96,6	13	3	2	0,4	0	0,0
2019-2020	435	423	97,3	10	2,3	2	0,4	0	0,0
2020-2021	433	407	94	26	6%	0	0,0	0	0,0
2021-2022	432	411	95,1	21	4,9	0	0,0	0	0,0

- Kết quả thi tốt nghiệp THCS

Năm học	Tổng số HS khối 9	Đỗ tốt nghiệp THCS		Hỏng tốt nghiệp THCS	
		SL	TL%	SL	TL%
2017-2018	49	49	100	0	0
2018-2019	54	54	100	0	0
2019-2020	53	53	100	0	0
2020-2021	60	60	100	0	0
2021-2022	55	60	100	0	0

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT

Năm học	Tổng số HS khối 12	Đỗ tốt nghiệp THPT		Hỏng tốt nghiệp THPT	
		SL	TL%		
2017-2018	52	52	100	0	0
2018-2019	54	54	100	0	0
2019-2020	57	57	100	0	0
2020-2021	54	54	100	0	0
2021-2022	62	62	100	0	0

- Kết quả cuối năm học giai đoạn 2018-2022, bình quân: Học sinh bỏ học tỷ lệ 2.7%; khối 6 đến khối 8 lên lớp đạt tỷ lệ 100%, khối 9 hoàn thành TN THCS 100%. Khối 10 lên lớp đạt tỷ lệ 100%; Khối 11 lên lớp đạt tỷ lệ 100% và Khối 12 đỗ TN THPT đạt tỷ lệ 100%.

9. Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:

- Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ:

Giai đoạn 2018-2022: số lượng sáng kiến được Sở Giáo dục và Đào tạo xếp loại công nhận 71 đề tài; cấp tỉnh công nhận 03 đề tài.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:

Từ năm 2018 đến nay, nhà trường tập trung chủ yếu vào 02 nội dung chính trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, đó là “Chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá”.

+ Chuyển đổi số trong quản lý: Được thể hiện qua việc sử dụng một số phần mềm trong quản lý như: Phần mềm Smas.edu.vn, qlgd.ninhthuan.edu.vn, Cơ sở dữ liệu ngành <http://csdl.moet.gov.vn> ; phần mềm tập huấn bồi dưỡng thường xuyên của Bộ giáo dục <http://taphuan.csdl.edu.vn>, đánh giá chuẩn giáo viên: ETEP, TEMIS; phần mềm cho kế toán tài chính: Misa, bumasapp.misa.vn, quản lý tài sản, hỗ trợ kê khai thuế; giao dịch kho bạc, phần mềm quản lý thư viện, thiết bị <http://dtntninhthuan.ninhthuan.qlth.vn/>, phần mềm TDoffice để quản lý công văn đi, đến, ...; Sử dụng Zalo, Gmail, SMS để chuyển tải, truyền đạt nội dung thông tin đến cán bộ giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh; Nhà trường đã triển khai hệ thống phần mềm Office 365 về ứng dụng Microsoft 365 trong quản lý hồ sơ nhà trường theo hướng dẫn của Sở GDĐT Ninh Thuận; Nhà trường cũng đã triển khai sổ điểm điện tử và học bạ điện tử từ năm học 2021-2022...

+ Chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá: Các phần mềm đã được ứng dụng trong dạy học, kiểm tra đánh giá như: các phần mềm tạo và trình chiếu bài giảng điện tử “Trí việt E-learning”...

+ Về phong trào thi đua tham gia các cuộc thi chuyển đổi số: nhà trường đã tham gia cuộc thi bài giảng E-learning.

10. Công tác triển khai và kết quả thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh:

10.1. Kết quả triển khai thực hiện các chế độ, chính sách:

a) Đối với học sinh.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho học sinh theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009, về việc hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc. Đảm bảo 100% học sinh được ăn, ở sinh hoạt nội trú.

b) Đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ nâng lương thường xuyên, trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo (70%), phụ cấp trách nhiệm (0,3), phụ cấp ưu đãi đối với nhân viên y tế trường học

(20%), phụ cấp chức vụ, phụ cấp độc hại và các chế độ chính sách khác cho cán bộ, giáo viên.

10.2. Tình hình phân bổ ngân sách hoạt động:

a) Cơ chế phân bổ ngân sách hoạt động giáo dục của Trung ương, Tỉnh, Sở cho trường phổ thông dân tộc cấp tỉnh.

Hàng năm vào đầu năm học (Tháng 10 hàng năm) Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai lập dự toán cho năm kế tiếp, Sở GDĐT yêu cầu nhà trường nộp bảng lương tháng 10 và báo cáo số lượng học sinh năm học liền kề về Sở để làm căn cứ lập dự toán cho năm kế tiếp.

b) Tình hình phân bổ ngân sách hoạt động của nhà trường.

Tình hình phân bổ ngân sách hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú (từ năm 2018 đến năm 2022), số kinh phí được phân bổ/01 học sinh/năm, tỷ lệ ngân sách chi cho các hoạt động của nhà trường.

Năm 2018 tổng kinh phí được cấp cho trường là 11.465.610.000 đồng (Mười một tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười ngàn đồng). Trong đó học bổng: 5.378.880.000 đồng, đặc thù: 1.163.700.000 đồng; Bình quân trên học sinh là: 15.180.000 đồng/hs (431 học sinh).

Năm 2019 tổng kinh phí được cấp cho trường là **12.705.280.000** đồng (Mười hai tỷ bảy trăm lẻ năm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó học bổng: 5.991.460.000 đồng, đặc thù: 1.212.300.000 đồng; Bình quân trên học sinh là: 15.832.439đồng/hs (455 học sinh).

Năm 2020 tổng kinh phí được cấp cho trường là 13.811.230.000 đồng (Mười ba tỷ tám trăm mười một triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng). Trong đó học bổng: 6.622.750.000 đồng, đặc thù: 1.389.000.000 đồng; Bình quân trên học sinh là: 17.303.000 đồng/hs (463 học sinh).

Năm 2021 tổng kinh phí được cấp cho trường là 13.859.140 .000 đồng (Mười ba tỷ tám trăm năm mươi chín triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng). Trong đó học bổng: 6.551.230.000 đồng, đặc thù: 1.236.600.000 đồng; Bình quân trên học sinh là: 17.004.000 đồng/hs (458 học sinh).

Năm 2022 tổng kinh phí được cấp cho trường là 13.788.920.000 đồng (Mười ba tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng). Trong đó học bổng: 6.536.930.000 đồng, đặc thù: 1.233.900.000 đồng; Bình quân trên học sinh là: 17.004.000 đồng/hs (457 học sinh).

Căn cứ vào Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cấp trên, Trường PT DTNT Pi Năng Tắc đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, hoạch định chi tiêu các hoạt động của nhà trường trong năm dựa vào các văn bản qui định về chế độ chính sách của Nhà nước và số kinh phí được nhà nước cấp trong năm.

Các hoạt động nhà trường đều chi từ ngân sách nhà nước, trường không có các khoản thu nào khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước cấp.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục; giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục:

Trường đã thành lập Ban tuyên truyền giáo dục pháp luật, trong đó Hiệu trưởng là trưởng ban; ban đã xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo các chủ đề, chủ điểm hàng tháng và được thực hiện xuyên suốt trong năm học. Các văn bản mới được triển khai kịp thời, các văn bản còn hiệu lực có liên quan được triển khai, quán triệt đầy đủ, sâu rộng trong Hội đồng giáo dục và sinh hoạt tập thể dưới cờ. Trong những năm, qua tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường đều chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước, không vi phạm đạo đức nhà giáo cũng như những quy định, quy chế của ngành giáo dục. Nhà trường đã tổ chức xây dựng bầu không khí tập thể đoàn kết, gắn bó, giúp nhau cùng tiến bộ, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh nhằm thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành; tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh ký cam kết thực hiện tốt các phong trào thi đua, chú trọng công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cơ quan, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Được đảm bảo. Công tác phối hợp với Công an địa phương về đảm bảo an ninh trật tự trường học, an toàn cơ quan được triển khai thường xuyên và đạt hiệu quả.

Nhà trường, tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ. Những sai sót nhỏ trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên được kịp thời phát hiện, chấn chỉnh để thực hiện có chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động của nhà trường.

Học sinh của trường được giáo dục ý thức tự quản, ý thức giữ gìn an ninh trật tự, quyết tâm phòng chống các tệ nạn xã hội. Giáo viên đã dạy lòng ghép, tích hợp trong dạy học chính khóa, trong các chương trình ngoại khóa và trong hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp về nội dung giáo dục pháp luật, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục tiết kiệm, bảo vệ môi trường và công tác phòng chống tham nhũng phù hợp theo qui định của ngành. Qua đó, học sinh của có ý thức tự quản, ý thức giữ gìn an ninh trật tự, quyết tâm phòng chống các tệ nạn xã hội, thực hiện tốt điều lệ trường phổ thông cũng như Quy chế hoạt động của trường nội trú.

Lãnh đạo trường nắm bắt tâm tư nguyện vọng học sinh, phối hợp với giáo viên, cha mẹ học sinh giáo dục uốn nắn học sinh kịp thời. Trong những năm học qua, trường không có đơn thư khiếu nại tố cáo, nội bộ nhà trường đoàn kết, phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường. An ninh chính trị, an toàn cơ quan được đảm bảo, không có trường hợp nào vi phạm pháp luật, vi phạm an toàn giao thông, vi phạm quy chế chuyên môn và pháp luật trong giáo dục.

IV. Đánh giá chung:

1. Kết quả đạt được.

Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày, ban đêm tổ chức học sinh tự học tập trung tại lớp học, có cán bộ, giáo viên trực quản lý nề nếp tự học của học sinh. Để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, trường tổ chức dạy phụ đạo. Tổ chức cho giáo viên thực hiện phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh.

Trường tổ chức dạy học theo chủ đề bám sát chương trình chuẩn, tổ chức dạy học phụ đạo cho học sinh yếu, tổ chức theo lớp và phân công giáo viên phụ trách. Trường tổ chức cho tất cả các giáo viên dạy các bộ môn Toán, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn thực hiện phụ đạo cho học sinh yếu của các khối lớp.

Kết quả dạy học trong giai đoạn 2018-2022 có chuyển biến tích cực, tỷ lệ học sinh có học lực khá giỏi tăng đều hàng năm; Số học sinh có hạnh kiểm xếp loại tốt, khá tăng năm sau cao hơn năm trước; công tác duy trì sĩ số tương đối ổn định.

2. Khó khăn, hạn chế:

Một số chính sách được nhà nước qui định nhưng chưa được thực hiện hết cho đội ngũ và học sinh như:

Chế độ chính sách cho giáo viên theo Thông tư số 06/2007/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 27/3/2007 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính, về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở các trường chuyên biệt, ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Chưa tổ chức cho giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm để đi tham quan học tập, trải nghiệm.

Chất lượng đầu vào của học sinh nhà trường còn thấp, chưa đồng đều.

Cơ sở vật chất và thiết bị:

Một số công trình của nhà trường xuống cấp trầm trọng như Nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở học sinh; Trường chưa có phòng học ngoại ngữ, Phòng học nhạc; Nhà đa năng, nhà ở của học sinh tạm bợ. Trang thiết bị phòng học bộ môn (phòng Tin học chỉ còn 15 máy hoạt động được) chưa đáp ứng theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học

3. Nguyên nhân:

Kinh phí cấp hàng năm cho nhà trường chỉ đủ để chi các khoản lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương như Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí Công đoàn và thanh toán dịch vụ như điện, nước, điện thoại ... những khoản chi không thể thiếu của nhà trường, còn các khoản chi để tổ chức các hoạt động khá và mua sắm trang thiết bị thì không có.

Gia đình, và địa phương ít quan tâm tới việc học tập của con cái.

Kinh phí cấp hàng năm đủ để chi cho con người và các phụ cấp khác nên khó khăn khi sửa chữa, mua sắm thiết bị phục vụ dạy học.

V. Kiến nghị:

1. Đối với Trung ương:

Xem xét, sửa đổi Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 27/3/2007 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính, về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ

theo hướng cho viên chức, những người không trực tiếp giảng dạy được hưởng chính sách, quyền lợi như nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc đã không còn phù hợp vì vậy cần phải sớm ban hành văn bản mới.

2. Đối với Tỉnh và Sở GDĐT Ninh Thuận.

Cơ sở vật chất như nhà ở học sinh, các phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động của học sinh nội trú chưa có, nhà công vụ cho giáo viên đã xuống cấp. Xin đề nghị cấp kinh phí sửa chữa và xây dựng mới.

Cấp kinh phí hàng năm để nhà trường trả lương cho cấp dưỡng.

VI. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong thời gian tới:

5.1 Nhiệm vụ

5.1.1. Chính trị tư tưởng

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa và nhiệm vụ năm học, mỗi cá nhân, tổ chức đều phải nắm vững nhiệm vụ của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cho mình. Phát huy truyền thống đoàn kết mỗi đ/c CB GV CNV và học sinh cần nhận thức sâu về nhiệm vụ được giao, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch. Đẩy mạnh việc thực hiện các cuộc vận động của ngành, học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Xây dựng trường học an toàn theo các tiêu chí trường học an toàn. Trường học hạnh phúc.

5.1.2. Về dạy và học

Tăng cường kỷ cương nề nếp chấp hành tốt kế hoạch đề ra. Tăng cường các biện pháp duy trì sĩ số thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, tập trung hoàn thành các chỉ tiêu thi đua. Tăng cường phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng HSG, ôn thi học kỳ, thi vào lớp 10, thi THPT.

Tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới cách đánh giá kiểm tra học sinh theo hướng phát huy năng lực và phù hợp với đối tượng HS.

Mỗi CB-GV đều phải nâng cao tinh thần gương mẫu và ý thức trách nhiệm trong giảng dạy và giáo dục học sinh bằng tình cảm yêu quý và tôn trọng, học sinh thực hiện nghiêm túc giờ giấc, tạo chuyển biến tích cực trong giảng dạy và học tập. Nâng cao chất lượng dạy và học, công tác nuôi dưỡng và tổ chức đời sống nội trú cho học sinh. Hoàn thành các chỉ tiêu thi đua.

5.1.3. Công tác phục vụ

Thực hiện công khai các khoản thu, chi trong nhà trường việc sử dụng kinh phí phải thực hiện đúng theo quy định của nhà nước. Kịp thời thanh toán các chế độ cho CB- GV-CNV và học sinh.

Nâng cao năng suất hiệu quả lao động đối với đội ngũ CB - CNV bảo quản và sử dụng tốt trang thiết bị, tài sản, tiết kiệm điện, nước vệ sinh môi trường.

Đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh trong nhà trường.

5.1.4. Các hoạt động khác

Trên cơ sở nhiệm vụ năm học các tổ chức đoàn thể trong nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động cho phù hợp hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Tham gia đầy đủ tích cực hoạt động theo yêu cầu của địa phương, của tỉnh.

5.2. Giải pháp thực hiện

5.2.1. Nhà trường và các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền giáo dục CB CNV và học sinh về đường lối của Đảng và Nhà nước, về ý nghĩa và nhiệm vụ năm học. Về ý thức trách nhiệm trong học tập và công tác. Đẩy mạnh các cuộc vận động. Tăng cường giáo dục đạo đức cho học sinh.

5.2.2. Chú trọng công tác kiểm tra chuyên môn, kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách, chấp hành kỷ luật lao động, kiểm tra việc chấp hành nội quy tổ chức nội trú của học sinh, xử lý kịp thời các vi phạm của học sinh, CB CNV giữ vững an ninh trật tự trong nhà trường.

5.2.3. Đổi mới công tác kế hoạch hóa trong xây dựng báo cáo, chấp hành sinh hoạt định kỳ đầy đủ, làm việc theo quy chế, có kế hoạch. Thực hiện dân chủ hóa, không độc đoán. Việc đánh giá năng lực của CB-GV- CNV và học sinh phải bằng kết quả lao động và học tập. Việc phối kết hợp giữa các tổ chức trong nhà trường cần thực hiện một cách chặt chẽ hơn.

5.2.4. Phát động các phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm học, khen thưởng động viên kịp thời cá nhân tổ chức thực hiện tốt.

Trên đây là nội dung báo cáo của nhà trường về tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại Trường Phổ thông DTNT Pi Năng Tắc, giai đoạn 2018-2022./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Sở GDĐT;
- Lãnh đạo trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Bùi Hữu Pha